

Núa Ngam, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù, miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025 trên địa bàn xã Núa Ngam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÚA NGAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Núa Ngam tại Tờ trình số 28/TTr-PKT ngày 27 tháng 10 năm 2025..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù, miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025 trên địa bàn xã Núa Ngam, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ chi phí học tập

Tổng số học sinh: 1.939 Học sinh

Tổng kinh phí: 1.162.650.000 đồng

2. Cấp bù, miễn giảm học phí

a) Cấp Mầm non

Miễn 100%: 907 Học sinh

Tổng kinh phí: 104.885.000 đồng

b) Cấp Trung học cơ sở

Miễn 100%: 503 Học sinh

Tổng kinh phí: 39.260.000 đồng

Tổng kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí (mục 1+2):

1.306.795.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm linh sáu nghìn bảy trăm chín

mười lăm nghìn đồng chẵn).

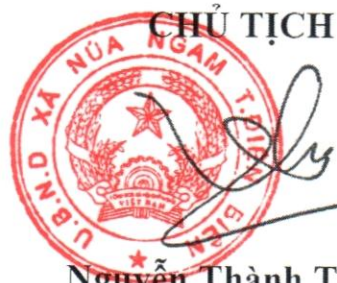
(Có biểu tổng hợp và danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Trường phòng Kinh tế chỉ đạo các trường cấp học Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn tổ chức chi trả chế độ cho học sinh và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước..

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng các phòng Văn hóa - Xã hội, Kinh tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (B/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Thành Trung

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ - CP NGÀY 03/09/2025 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 255 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Núa Ngam)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC HẸ MUÔNG											124.200.000
1	Lò Anh Tuấn	2019		1A1	Thái	Lò Văn Thanh	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
2	Lò Ngọc Bích		2019	1A1	Thái	Lò Văn Kim	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
3	Tòng Thị Thu Hằng		2019	1A1	Thái	Quảng Thị Minh	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
4	Lường Thúy Vân		2019	1A1	Thái	Lò Thị Tươi	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
5	Lò Thị Thùy Dương		2019	1A1	Thái	Lò Thị Trinh	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
6	Lò Gia Hùng	2019		1A1	Khơ-mú	Quảng Thị Phong	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
7	Lường Ngọc Diệp		2019	1A1	Thái	Lường Thị Tâm	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
8	Lò Thị Tuyết Mai		2019	1A1	Thái	Lò Văn Cương	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
9	Lò Thị Thanh Trúc		2019	1A1	Khơ-mú	Lò Thị Lin	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
10	Lò Thị Kiều Oanh		2019	1A1	Khơ-mú	Lò Văn Khánh	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
11	Cà Thị Hoa		2019	1A1	Khơ-mú	Lò Thị Kiên	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
12	Trương Thiên Ân	2019		1A1	Dao	Chảo U Mây	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
13	Lò Thị Hương Giang		2019	1A1	Thái	Lò Thị Ngân	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
14	Lò Trung Kiên	2019		1A1	Thái	Lường Thị Hương	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
15	Lò Ngọc Mai		2019	1A1	Thái	Lò Thị Bích	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
16	Lường Thị Như Ngọc		2019	1A1	Thái	Đặng Văn Niên	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
17	Lường Minh Quang	2019		1A1	Thái	Lường Thị Bình	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
18	Lò Ngọc San	2019		1A1	Thái	Quảng Thị Niên	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
19	Lò Đình Tạng	2019		1A1	Thái	Trương Thị Chung	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
20	Sùng A Cảnh	2019		1A2	HMông	Mùa Thị Dợ	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
21	Lý Thị Ngọc Chi		2019	1A2	HMông	Giàng Thị Thành	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
22	Vàng Thị Dung		2019	1A2	HMông	Sùng Thị Tổng	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
23	Lý Thành Đạt	2019		1A2	HMông	Giàng Thị Sau	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
24	Giàng A Hù	2019		1A2	HMông	Vàng Thị Khoa	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
25	Vàng Thị Thuỳ Linh		2019	1A2	HMông	Vàng A Hồng	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
26	Sùng Ngọc Linh		2019	1A2	HMông	Vàng Thị Ông	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
27	Vàng Anh Long	2019		1A2	HMông	Vàng A Di	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
28	Vàng Sơn Minh	2019		1A2	HMông	Vàng A Mua	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
29	Vàng Thông Minh	2019		1A2	HMông	Vàng A Thénh	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
30	Giàng A Phòng	2019		1A2	HMông	Sùng Thị Gùa	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
31	Vàng Thị Sênh		2019	1A2	HMông	Vàng A Ly	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
32	Sùng A Thái	2019		1A2	HMông	Giàng Thị Rúa	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
33	Lý A Thái	2019		1A2	HMông	Quảng Thị Mai	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
34	Giàng Pà Vùa		2019	1A2	HMông	Giàng A Sính	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
35	Lường Mai Chi		2019	1A3	Thái	Lò Thị Hà	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
36	Quảng Ngọc Hân		2019	1A3	Thái	Quảng Văn Lưu	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
37	Lò Đăng Khoa	2019		1A3	Thái	Lò Văn Quang	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
38	Lò Mạnh Giang	2019		1A3	Thái	Lò Thị Hương	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
39	Lò Minh Tuyết		2019	1A3	Thái	Quảng Thị Pánh	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
40	Lường Bảo An	2018		2A2	Thái	Lường Thị Chung	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
41	Lò Thị Nguyệt Ánh		2018	2A2	Thái	Lò Văn Công	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
42	Vì Văn Dũng	2018		2A2	Thái	Vì Văn Hồng	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
43	Lường Tuấn Khải	2018		2A2	Thái	Quảng Thị Diên	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
44	Lò Tùng Anh	2019		1A4	Thái	Chèo A Chiêu	Bản Ta Lét 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
45	Lò Ngọc Hà		2019	1A4	Khơ mú	Lò Văn Thủy	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
46	Quảng Ngọc Hà		2019	1A4	Khơ mú	Quảng Văn Việt	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
47	Lò Huy Hoàng	2019		1A4	Thái	Lò Văn Công	Bản Ta Lét 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
48	Lò Diệu Huyền		2019	1A4	Khơ mú	Hùng Thị Long	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
49	Lò Ngọc Lệ		2019	1A4	Thái	Lò Văn Mười	Bản Ta Lét 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
50	Lò Gia Phát	2019		1A4	Thái	Lò Thị Nga	Bản Ta Lét 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
51	Cút Văn Phúc	2019		1A4	Khơ mú	Cút Thị Dương	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
52	Quảng Mai Trang		2019	1A4	Khơ mú	Quảng Văn Việt	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
53	Quảng Duy Trần	2019		1A4	Khơ mú	Lò Thị Lưn	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
54	Lò Thị Hải Yến		2019	1A4	Thái	Lò Văn Tâm	Bản Ta Lét 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
55	Lường Nhật An	2018		2A1	Thái	Lường Văn Sen	Bản Nậm Hẹ 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
56	Lường Thị Hà An		2018	2A1	Thái	Lường Thị Tinh	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
57	Lò Tuấn Anh	2018		2A1	Khơ-mú	Lò Thị Sơn	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
58	Quách Thế Anh	2018		2A1	Mường	Trương Thị Toán	Bản Nậm Hẹ 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
59	Vàng a Chénh	2018		2A1	HMông	Giàng Thị Húa	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
60	Lý A Cống	2018		2A1	HMông	Lý A Cù	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
61	Vàng A Dế	2017		2A1	HMông	Vàng Thị Xua	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
62	Vàng Thị Dung		2018	2A1	HMông	Vàng A Chư	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
63	Lường Nhật Duy	2018		2A1	Thái	Lường Văn Chung	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
64	Quảng Bảo Duy	2018		2A1	Khơ-mú	Lò Thị Biên	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
65	Vàng Thị Dương		2018	2A1	HMông	Cứ Thị Nhia -Lý Thị Dia (bà giám hộ)	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
66	Lường Văn Đạt	2017		2A1	Thái	Lường Văn Thảo	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
67	Lường Minh Đức	2018		2A1	Thái	Lường Văn Thông	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
68	Lý Chí Hùng	2018		2A1	HMông	Lý A Vừ	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
69	Vàng A Mạnh	2018		2A1	HMông	Sùng Thị Tổng	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
70	Vàng Thị Nhi		2017	2A1	HMông	Vàng A Nénh	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
71	Lò Thị Tâm Như		2018	2A1	Khơ-mú	Lò Thị Tình	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
72	Vàng A Phong	2018		2A1	HMông	Lầu Thị So	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
73	Quảng Văn Quân	2018		2A1	Khơ-mú	Quảng Văn Phong	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
74	Lò Thị Huyền Trang		2018	2A1	Thái	Lò Văn Thủy	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
75	Lò Thị Bảo Trâm		2018	2A1	Thái	Lò Thị Bình	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
76	Lường Hải Triều	2018		2A1	Thái	Lường Văn Huấn	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
77	Cà Mạnh Tùng	2018		2A1	Thái	Cà Văn Phòng	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
78	Vàng Thị Lan Xinh		2018	2A1	HMông	Sùng Thị Sinh	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
79	Giàng A Tuấn	2018		2A1	HMông	Vàng Thị Khoa	Háng Lìa - xã Keo Lôm	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
80	Quảng Minh Diệp	2018		2A3	Khơ-mú	Quảng Thị Nguyên	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
81	Lò Trọng Hoàng	2018		2A3	Khơ-mú	Lò Văn Diệp	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
82	Xa Minh Hùng	2018		2A3	Thái	Lò Thị Loan	Bản Ta Lét 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
83	Lò Anh Khôi	2018		2A3	Thái	Vi Thị Tươi	Bản Ta Lét 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
84	Lò Thanh Nga		2018	2A3	Thái	Lường Thị Thanh	Bản Ta Lét 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
85	Lò Thị Yến Nhi		2018	2A3	Khơ-mú	Lò Văn Chung	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
86	Quảng Huệ Như		2018	2A3	Khơ-mú	Quảng Văn Việt	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
87	Lường Thị Ngọc Trinh		2018	2A3	Thái	Lường Văn Trường	Bản Ta Lét 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
88	Sầm Minh Tuấn	2018		2A3	Thổ	Sầm Văn Khiêm	Bản Ta Lét 1 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
89	Quảng Hoàng Bách	2018		2A3	Thái	Quảng Thị Thuỷ	Bản Ta Lét 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
90	Quảng Thị Ngọc Anh		2017	3A1	Thái	Cà Thị Hồng	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
91	Quách Trương Bảo Châu		2017	3A1	Mường	Trương Thị Toán	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
92	Quảng Chí Cường	2017		3A1	Khơ-mú	Quảng Văn Dương	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
93	Sùng Thị Dung		2017	3A1	HMông	Vàng A Tho	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
94	Vàng Thị Hạnh		2017	3A1	HMông	Vàng A Lồng	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
95	Lò Mai Hương		2017	3A1	Thái	Lò Thị Hồng	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
96	Lò Đăng Khôi	2017		3A1	Thái	Lò Văn Khánh	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
97	Vàng A Khứ	2017		3A1	HMông	Vàng A Đế	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
98	Tòng Thị Kiều Linh		2017	3A1	Thái	Lò Thị Phương	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
99	Lường Bảo Nam	2017		3A1	Thái	Lò Thị Ngân	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
100	Lò Thị Yên Nhi		2017	3A1	Khơ-mú	Lò Văn Khánh	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
101	Lò Thị Yến Nhi		2017	3A1	Thái	Cà Thị Cu	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
102	Quảng Anh Quý	2017		3A1	Khơ-mú	Cút Thị Thuỷ	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
103	Sùng Thị Súa		2017	3A1	HMông	Vàng Thị Ong	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
104	Trần Minh Tâm	2017		3A1	Thái	Lường Thị Thanh	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
105	Lường Văn Thái	2017		3A1	Khơ-mú	Quảng Văn Dương	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
106	Lường Thị Thanh Thảo		2017	3A1	Thái	Cà Văn Sơn	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
107	Lò Mai Thủy		2016	3A1	Khơ-mú	Lò Thị Chiến	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
108	Sùng A Tủa	2017		3A1	HMông	Giàng Thị Mo	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
109	Lò Khánh Tư	2017		3A1	Khơ-mú	Cút Thị Dương	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
110	Vàng A Vông	2017		3A1	HMông	Vàng A Thénh	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
111	Lò Như Ý		2017	3A1	Thái	Lò Thị Phòng	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
112	Tòng Thị Diễm Quỳnh		2017	3A1	Thái	Lò Thị Hà	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
113	Lò Hoàng An	2017		3A2	Thái	Lò Thị Biên	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
114	Giàng A Cánh	2017		3A2	Mông	Giàng A Cháng	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
115	Vàng Duy Công	2017		3A2	Mông	Vàng A Hồng	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
116	Lò Thị Kim Cúc		2017	3A2	Thái	Lò Văn Quang	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
117	Trương Mạnh Dũng	2017		3A2	Dao	Chảo U Mẩy	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
118	Vàng Tiến Hùng	2017		3A2	Mông	Vàng A Tho	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
119	Sùng Thị Hương		2017	3A2	Mông	Sùng A Chua	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
120	Bạc Thị Thanh Huyền		2017	3A2	Thái	Lường Thị Mai	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
121	Quảng Đức Khải	2017		3A2	Thái	Quảng Văn Chung	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
122	Lường Hoàng Lâm	2017		3A2	Thái	Lường Văn Thân	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
123	Lường Thảo Mỹ		2017	3A2	Thái	Lường Văn Thắng	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
124	Cút Thị Kim Ngân		2017	3A2	Khơ mú	Cút Văn Cảnh	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
125	Vàng Thị Phương Nhia		2017	3A2	Mông	Vàng A Sá	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
126	Sinh Thị Nù		2017	3A2	Mông	Vàng Giồng Nénh (giám hộ)	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
127	Lý A Son	2017		3A2	Mông	Lý A Măng	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
128	Lường Thị Nguyệt Thuy		2017	3A2	Thái	Lường Văn Tuấn	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
129	Quảng Thị Mai Thúy		2017	3A2	Khơ Mú	Lò Thị Xen	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
130	Vàng Thị Xuân		2016	3A2	Mông	Sùng Thị Dưa	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
131	Lò Thị Thuỷ Yến		2017	3A2	Khơ mú	Lò Văn Thủy	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
132	Lò Tùng Anh	2016		4A1	Thái	Lò Văn Tuấn	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
133	Vàng Thị Cũ		2015	4A1	HMông	Sùng Thị Dưa	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
134	Lò Đông Du	2016		4A1	Khơ-mú	Lò Văn Chung	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
135	Lý Anh Dũng	2015		4A1	HMông	Lý A Công	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
136	Lường Huy Hiệp	2016		4A1	Thái	Lường Văn Luân	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
137	Lò Thị Hương		2016	4A1	Thái	Lò Thị Kiên	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
138	Lò Thị Thúy Kiều		2016	4A1	Khơ mú	Cà Thị Sơn	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
139	Quảng Thanh Kỳ	2016		4A1	Khơ mú	Quảng Văn Dương	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
140	Quảng Nam Khang	2016		4A1	Thái	Lò Thị Minh	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
141	Vừ A Lử	2016		4A1	HMông	Vừ A Châu	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
142	Quảng Bảo Ngọc		2016	4A1	Thái	Quảng Văn Phượng	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
143	Tòng Thị Bảo Ngọc		2016	4A1	Thái	Trương Văn Viện	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
144	Đèo Thanh Nga		2016	4A1	Thái	Đèo Thị Thanh	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
145	Lường Thu Nguyệt		2016	4A1	Thái	Lường Văn Khợi	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
146	Lò Thị Hồng Như		2016	4A1	Thái	Lò Văn Hạc	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
147	Quảng Thị Ngọc Sinh		2016	4A1	Thái	Lường Thị San	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
148	Lường Minh Quân	2016		4A1	Thái	Lò Thị Nhung	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
149	Tòng Đức Tuyển	2016		4A1	Thái	Đèo Thị Đôi	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
150	Vừ A Tủa	2016		4A1	HMông	Vừ A Châu	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
151	Quảng Anh Vũ	2016		4A1	Khơ mú	Quảng Thị Nguyên	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
152	Sùng A Và	2016		4A1	HMông	Sùng A Trư	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
153	Vàng Thị Ngọc Yến		2016	4A1	HMông	Cứ Thị Nhìa	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
154	Lò Minh Khôi	2016		4A2	Thái	Lò Văn Sâm	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
155	Lường Thị Anh Đào		2016	4A2	Thái	Trương Thị Lả	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
156	Lù Toàn Thắng	2016		4A2	Thái	Lù Thị Tích	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
157	Quảng Khánh Bảo	2016		4A2	Khơ-mú	Cút Thị Thùy	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
158	Vàng A Ca	2016		4A2	HMông	Vàng A Ly	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
159	Lò Thị Yến Chi		2016	4A2	Khơ-mú	Lò Văn Thuỷ	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
160	Vàng Thị Đế		2015	4A2	HMông	Lầu Thị Hua	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
161	Lò Thị Khánh Huyền		2016	4A2	Thái	Lò Thị Hương	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
162	Vàng Tuấn Kiệt	2016		4A2	HMông	Vàng A Mãnh	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
163	Vàng Thị Linh		2016	4A2	HMông	Vàng A Chu	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
164	Vàng Ngọc Nam	2016		4A2	HMông	Vàng A Châu	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
165	Lý A Phênh	2016		4A2	HMông	Lý A Dếnh	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
166	Sùng Ngọc Sinh		2016	4A2	HMông	Sùng A Mang	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
167	Quảng Duy Thiện	2016		4A2	Khơ-mú	Quảng Văn Hà	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
168	Lý Thị Yến Vy		2016	4A2	HMông	Lý A Vừ	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
169	Lường Thị Huyền Trang		2016	4A2	Thái	Lò Thị Chập	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
170	Lường Thị Hà Linh		2016	4A2	Thái	Lường Thị Lan	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
171	Lường Bảo Nguyên	2016		4A2	Thái	Lường Văn Chung	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
172	Quảng Duy Phát	2016		4A2	Thái	Cà Thị Hồng	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
173	Lò Thị Bảo An		2015	5A1	Thái	Lò Văn Duyên	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
174	Lò Thị Linh An		2015	5A1	Thái	Lò Văn Lâm	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
175	Cút Thị Hồng Anh		2015	5A1	Khơ Mú	Quảng Thị May	Bản Loọng Sọt - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
176	Vàng A Chua	2015		5A1	H Mông	Vàng A Tênh	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
177	Vàng Thị Ghênh		2015	5A1	H Mông	Vàng A Châu	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
178	Lò Văn Hoàn	2015		5A1	Khơ Mú	Lò Văn Hiền	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
179	Lò Huy Hoàng	2015		5A1	Khơ Mú	Cà Thị Sơn	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
180	Lò Thị Huệ		2015	5A1	Khơ Mú	Lò Thị Măng	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
181	Lò Chấn Hưng	2015		5A1	Thái	Lù Thị Dân	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
182	Lường Quốc Hưng	2015		5A1	Thái	Lường Văn Tâm	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
183	Lò Khánh Ly		2015	5A1	Thái	Lò Văn Tươi	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
184	Quảng Thị Yến Nhi		2015	5A1	Thái	Lường Thị Thu	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
185	Sùng Thị Nhi	2015		5A1	H Mông	Sùng A Chua	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
186	Lò Thị Kim Oanh	2015		5A1	Thái	Lò Văn Sơn	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
187	Vàng Thị Ong	2015		5A1	H Mông	Vàng A Sỏ	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
188	Sùng A Thái	2015		5A1	H Mông	Vàng A Tho	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
189	Lò Văn Tuấn	2015		5A1	Khơ Mú	Quảng Thị May	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
190	Lò Quý Chung	2015		5A2	Thái	Lò Thị Thu	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
191	Lý A Cù	2014		5A2	HMông	Lý A Chua	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
192	Vàng Quang Dũng	2015		5A2	HMông	Vàng A Sá	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
193	Lò Thùy Dương	2015		5A2	Thái	Lò Văn Kim	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
194	Vàng Thị Điện	2015		5A2	HMông	Vàng A Ly	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
195	Lù Bảo Huy	2015		5A2	Thái	Lò Thị Thời	Bản Nậm Hẹ 2 - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
196	Lường Diệu Huyền	2015		5A2	Thái	Lường Văn Huấn	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
197	Sùng Thị Pa la	2015		5A2	HMông	Sùng A Di	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
198	Lò Văn Khải	2015		5A2	Khơ-mú	Lò Thi Chén	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
199	Vàng Thế Kỳ	2014		5A2	HMông	Vàng A Giàng	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
200	Lò Nguyệt Nga	2015		5A2	Thái	Lò Văn Trương	Bản Nậm Hẹ 1- xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
201	Lò Giang Nghĩa	2015		5A2	Khơ-mú	Quảng Thị Yêu	Bản Công Bình - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
202	Vừ Thị Nhi	2015		5A2	HMông	Vàng Thị Súa	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
203	Lý A Phênh	2015		5A2	HMông	Lý A Lênh	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
204	Bạc Cầm Quý	2015		5A2	Thái	Bạc Cầm Thư	Bản Sái Lương - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
205	Lò Huy Thúc	2015		5A2	Thái	Lò Thị Hợp	Bản Na Dôn - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
206	Lý A Tổng	2015		5A2	HMông	Vàng Thị Má	Bản Na Côm - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
207	Tòng Thị Huyền Trang	2015		5A2	Thái	Lò Thị Đoàn	Bản Pá Hẹ - xã Núa Ngam	Xã khu vực III	150.000	4	600.000